



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: cembacgiang@gmail.com

Số: 1481/2025/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Rì, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	-KT ₀₁ : Lấy tại lò hơi số 1 – thời điểm 1, vào lúc 08h00. Toạ độ: 21°10'48,58"N; 106°46'41,47"E. -KT ₀₂ : Lấy tại lò hơi số 1 – thời điểm 2, vào lúc 10h30 Toạ độ: 21°10'48,58"N; 106°46'41,47"E.
Phương pháp lấy mẫu	Nhiệt độ, SO ₂ , NO _x , CO: BG-HDKT; Hàm ẩm: US EPA Method 4; Vận tốc: US EPA Method 2; Bụi tổng số (PM): US EPA Method 5; NH ₃ : JIS K 0099: 2020; H ₂ S: JIS K 0108: 2010
Ngày lấy mẫu: 05/6/2025	Ngày phân tích: 05 - 25/6/2025

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn áp dụng		Kết quả		Phương pháp thử
					05/6/25/ 556/KT ₀₁	05/6/25/ 556/KT ₀₂	
1	Nhiệt độ	°C	-		133,58	134,75	BG-HDKT
2	Hàm ẩm	%	-		5,3	5,3	US EPA Method 4
3	Vận tốc khí	m/s	-		17,8	16,9	US EPA Method 2
4	Bụi tổng số (PM)	mg/Nm ³	QCVN 22: 2009/ BTNMT, cột B, C _{max}	200	88	85	US EPA Method 5
5	SO ₂	mg/Nm ³		500	334,82	325,33	BG-HDKT
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³		1.000	64,92	67,89	BG-HDKT
7	CO	mg/Nm ³		800	72,58	76,88	BG-HDKT
8	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³	QCVN 19: 2009/ BTNMT, cột B, C _{max}	6	KPH	KPH	JIS K 0108: 2010
9	NH ₃ ^(a)	mg/Nm ³		40	KPH	KPH	JIS K 0099: 2004

Ghi chú: (-): Không quy định.

Các thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện bởi Công ty cổ phần nông nghiệp và môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

QCVN 22: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện.

QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

$C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó:

C_{max} : Là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm³.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QITT&MT
3. Các thông số có dấu "*" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.
4. Quá thời hạn 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
BM/01 - LBH: 10



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: cembacgiang@gmail.com

C là nồng độ của các thông số ô nhiễm quy định tại mục 2.2 của QCVN 22: 2009/BTNMT và QCVN 19: 2009/BTNMT.

K_p: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải.

K_v: Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 22: 2009/BTNMT và QCVN 19: 2009/BTNMT

K_{p1}: Là hệ số công suất quy định tại mục 2.3 của QCVN 22: 2009/BTNMT

Hệ số K_p, K_v trong khí thải áp dụng theo quy định của GPMT số 113/GPMT-BNNMT, cụ thể như sau: QCVN 22:2009/BTNMT áp cột B với K_p=1,0; K_v =1,0 và QCVN 19:2009/BTNMT áp cột B với K_p= 0,8; K_v= 1,0)

PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hương Lưu

Bắc Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: cembacgiang@gmail.com

Số: 1482/2025/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Khí thải (KT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Rì, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KT ₀₃ : Lấy tại lò hơi số 02 – thời điểm 1, vào lúc 10h00. Tọa độ: 21°10'49,59"N; 106°46'41,85"E. - KT ₀₄ : Lấy tại lò hơi số 02 – thời điểm 2, vào lúc 13h00. Tọa độ: 21°10'49,59"N; 106°46'41,85"E.
Phương pháp lấy mẫu	Nhiệt độ, SO ₂ , NO _x , CO: BG-HDKT; Hàm ẩm: US EPA Method 4; Vận tốc: US EPA Method 2; Bụi tổng số (PM): US EPA Method 5; NH ₃ : JIS K 0099: 2020; H ₂ S: JIS K 0108: 2010
Ngày lấy mẫu: 04/6/2025	Ngày phân tích: 04 - 25/6/2025

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn áp dụng		Kết quả		Phương pháp thử
					04/6/25/556/KT ₀₃	04/6/25/556/KT ₀₄	
1	Nhiệt độ	°C	-		132,72	132,66	BG-HDKT
2	Hàm ẩm	%	-		5,8	5,8	US EPA Method 4
3	Vận tốc khí	m/s	-		18,3	17,1	US-EPA Method 2
4	SO ₂	mg/Nm ³	QCVN 22: 2009/ BTNMT cột B, C _{max}	500	325,90	293,25	BG-HDKT
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³		1.000	72,04	69,88	BG-HDKT
6	Bụi tổng số (PM)	mg/Nm ³	QCVN 19: 2009/ BTNMT cột B, C _{max}	160	87	86	US EPA Method 5
7	CO	mg/Nm ³		800	80,29	83,46	BG-HDKT
8	H ₂ S ^(a)	mg/Nm ³		6	KPH	KPH	JIS K 0108: 2010
9	NH ₃ ^(a)	mg/Nm ³		40	<9**	KPH	JIS K 0099: 2004

Ghi chú: (-): Không quy định.

Các thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện bởi Công ty cổ phần nông nghiệp và môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

(*): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp

QCVN 22: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện.

QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT.
 3. Các thông số có dấu "*" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.
 4. Quá thời hạn 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
- BM/01 - LBH: 10



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: cembacgiang@gmail.com

$C_{max} = C \times K_p \times K_v$; Trong đó:

C_{max} : Là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp, tính bằng mg/Nm^3 .

C là nồng độ của các thông số ô nhiễm quy định tại mục 2.2 của QCVN 22: 2009/BTNMT và QCVN 19: 2009/BTNMT.

K_p : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 19: 2009/BTNMT, P là tổng lưu lượng nguồn thải.

K_v : Là hệ số vùng, khu vực quy định tại mục 2.4 của QCVN 22: 2009/BTNMT và QCVN 19: 2009/BTNMT

K_{p1} : Là hệ số công suất quy định tại mục 2.3 của QCVN 22: 2009/BTNMT

Hệ số K_p , K_v trong khí thải áp dụng theo quy định của GPMT số 113/GPMT-BNNMT, cụ thể như sau:
QCVN 22:2009/BTNMT áp cột B với $K_p=1,0$; $K_v=1,0$ và QCVN 19:2009/BTNMT áp cột B với $K_p=0,8$; $K_v=1,0$

PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hương Lựu

Bắc Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Huyền